TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 545/2022/DS-PT
Ngày: 18 - 8 - 2022
V/v Tranh chấp quyền sử dụng đất

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Phan Nhựt Bình

Các Thẩm phán: Ông Phạm Hồng Phong

Ông Nguyễn Văn Minh

- Thư ký phiên tòa: Bà Dương Thị Thu Phương - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Đức - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 8 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 119/2021/TLPT-DS ngày 26 tháng 01 năm 2021 về việc "Tranh chấp quyền sử dụng đất".

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 36/2020/DS-ST ngày 24 tháng 12 năm 2020 của Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 1314/2022/QĐPT-DS ngày 18 tháng 7 năm 2022, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:*

1. Ông Nguyễn Đăng D, sinh năm 1955 (có mặt);

2. Bà Nguyễn Thị C, sinh năm 1957 (có mặt)

Cùng địa chỉ: Tổ 10, khu phố 5, thị trấn D, huyện P, tỉnh Kiên Giang.

- *Bị đơn:*

1. Ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1970 (có mặt);

2. Bà Trần Thị H, sinh năm 1974 (vắng mặt);

Cùng địa chỉ: Tổ 10, khu phố 5, thị trấn D, huyện (nay là thành phố) P, tỉnh Kiên Giang.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan*: Ủy ban nhân dân huyện (nay là thành phố) P, tỉnh Kiên Giang (xin vắng mặt).

- *Người kháng cáo*: Nguyên đơn là ông Nguyên Đăng D, bà Nguyễn Thị C và bị đơn là ông Nguyễn Văn T.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**** Theo đơn khởi kiện, đơn khởi kiện bổ sung và tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn ông Nguyễn Đăng D và bà Nguyễn Thị C trình bày:***

Ông Nguyễn Đăng D, bà Nguyễn Thị C là chủ sử dụng của thửa đất số 47, tờ bản đồ số 45, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BH 902484, diện tích 273,6m^2 tọa lạc khu phố 5, thị trấn Dương Đông, huyện (nay là thành phố) Phú Quốc, Kiên Giang. Nguồn gốc đất do ông bà nhận chuyển nhượng của ông Nguyễn Tấn Hoàng vào năm 1998. Năm 2003 ông Nguyễn Văn T xây dựng 01 phần nhà vệ sinh và móng nhà lấn sang đất của ông bà, ông bà có yêu cầu ông T không xây dựng nhưng ông T nói đã lỡ xây rồi nên cho ông T xây để sau này nhận tiền bồi thường, vì toàn bộ khu đất này sẽ vào khu vực đất bị giải tỏa, đền bù. Đến năm 2010 biết được đất khu của ông bà ở không giải tỏa nên đã yêu cầu ông T tháo dỡ thì ông T không đồng ý mà còn tiếp tục xây dựng tường từ móng xây dựng năm 2003 lên nên các bên phát sinh tranh chấp. Nguyên đơn có yêu cầu Ban nhân dân khu phố 5 hòa giải nhưng không thành. Yêu cầu Ủy ban nhân dân (UBND) thị trấn Dương Đông hòa giải, lúc này ông T có hứa tại phiên hòa giải là sẽ tháo dỡ toàn bộ phần kiến trúc xây dựng sang đất của ông bà nhưng sau đó ông T không thực hiện theo lời hứa.

Đối với phần trình bày ông T cho rằng chuyển nhượng đất năm 1998 là không đúng, ông T chuyển nhượng đất của ông Linh vào năm 2000. Thời điểm nhận chuyển nhượng, đất của ông T có chiều ngang 12m, sau đó ông T có chuyển nhượng cho bà Nguyễn Thị Ly diện tích đất chiều ngang 6m nhưng hiện nay thì diện tích đất của ông T còn lại ngang 6,7m. Ông T đã lấn sang phần đất của ông bà vì cọc đầu và cọc cuối của thửa đất ông T là thẳng hàng còn phần giữa lại bị dôi ra. Hiện trạng thửa đất trước đây của ông bà là vuông vức.

Nguyên đơn thống nhất theo Sơ đồ trích đo hiện trạng thửa đất tranh chấp số 207 ngày 16/4/2018 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện Phú Quốc và Chứng thư định giá số Vc 18/5/48/CT-TVAP ngày 02/5/2018 của Công ty TNHH định giá Thịnh Vượng làm cơ sở giải quyết, xét xử vụ án.

Nay nguyên đơn là ông Nguyễn Đăng D, bà Nguyễn Thị C yêu cầu bị đơn là ông Nguyễn Văn T tháo dỡ toàn bộ vật kiến trúc đã xây dựng trên đất tranh chấp và trả lại cho ông D, bà C diện tích đất 6,2m^2 theo sơ đồ trích đo hiện trạng đất ngày 16/4/2018 của Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai huyện Phú Quốc, ngoài ra ông D và bà C không có yêu cầu nào khác.

**** Theo đơn phản tố, trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm bị đơn ông Nguyễn Văn T trình bày:***

Cuối năm 1998, ông có chuyển nhượng của ông Linh tại khu phố 5, thị trấn Dương Đông, huyện Phú Quốc (nguồn gốc đất của ông Linh cũng là chuyển nhượng của ông Nguyễn Tấn Hoàng). Khi mua đất của ông Linh diện tích là ngang 12m dài tới Suối, phần sau Suối ngang cũng 12m, giữa đất cũng ngang 12m. Hiện trạng trên đất có căn nhà lá của ông Linh xây dựng, xung quanh đất có hàng rào kẽm gai rào sẵn hết đất ông chuyển nhượng. Hiện trạng đất không được thẳng, ở đoạn giữa bị cong.

Năm 2000, ông chuyển nhượng cho bà Tươi diện tích ngang 6m dài tới Suối, đến 2001 ông xây dựng nhà trên phần đất còn lại, xây nhà móng đá học, tường ván, mái tol xi măng. Từ khi xây dựng đến khi xong khoảng 2 tháng không ai tranh chấp, ngăn cản gì. Năm 2008 gia đình nhà ông D xây dựng nhà phía sau Suối đã tự ý nhổ hàng rào kẽm gai của nhà ông, lúc đó ông không hay. Đến năm 2013 ông mới xây dựng lại căn nhà trước, lúc đó ông có sang xin phép gia đình ông D cho thợ tô phần tường ông xây dựng, gia đình ông D cũng đồng ý, tuy nhiên không hiểu sao khi lúc thợ đang tô phần tường ông xây dựng mới thì gia đình ông D ra ngăn cản nên các bên phát sinh tranh chấp đến nay. Hiện trạng đất là do ông mua của ông Linh và sử dụng cho đến hôm nay, không lấn chiếm đất của ai.

Ông thống nhất theo Sơ đồ trích đo hiện trạng thửa đất tranh chấp số 207 ngày 16/4/2018 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện Phú Quốc và Chứng thư định giá số Vc 18/5/48/CT-TVAP ngày 02/5/2018 của Công ty TNHH Định giá Thịnh Vượng làm cơ sở giải quyết, xét xử vụ án.

Nay bị đơn ông Nguyễn Văn T không đồng ý yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Đăng D, bà Nguyễn Thị C và phản tố yêu cầu công nhận diện tích đất tranh chấp 6,2m^2 theo sơ đồ trích đo hiện trạng đất ngày 16/4/2018 của Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai huyện Phú Quốc, yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BH 902484 do Uỷ ban nhân dân huyện Phú Quốc cấp ngày 28/03/2012 đứng tên ông Nguyễn Đăng D và bà Nguyễn Thị C, ngoài ra ông T không có yêu cầu nào khác.

**** Theo tài liệu có tại hồ sơ, bị đơn là bà Trần Thị H trình bày:*** Bà và ông Nguyễn Văn T đã ly hôn theo Quyết định công nhận thuận tình ly hôn số 126/2017/QĐST-HNQĐ ngày 28/6/2017 của TAND huyện Phú Quốc. Đối với tài sản đang tranh chấp giữa vợ chồng ông Nguyễn Đăng D và bà Nguyễn Thị C với ông Nguyễn Văn T thì bà H xác định đây là tài sản riêng của ông Nguyễn Văn T, do đó bà H không có ý kiến, yêu cầu gì trong vụ án này và đề nghị giải quyết vắng mặt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là Uỷ ban nhân dân huyện (nay là thành phố) P có ý kiến trình bày: Theo hồ sơ lưu trữ do Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai huyện Phú Quốc cung cấp, ông Nguyễn Đăng D và bà

Nguyễn Thị C được Uỷ ban nhân dân huyện Phú Quốc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BH 902484 ngày 28/3/2017, thửa đất số 65, tờ bản đồ số 45, diện tích 306,1m^2, loại đất: 200m^2 đất ở đô thị, còn lại đất trồng cây lâu năm, vị trí đất tại khu phố 5, thị trấn Dương Đông, huyện Phú Quốc, tỉnh Kiên Giang. Theo bản mô tả ranh giới, mốc giới thửa đất lập ngày 17/8/2006, thửa đất số 65, tờ bản đồ số 45, diện tích 306,1m^2 được đo đạc bản đồ địa chính do Công ty Tài nguyên và Môi trường Miền Nam đo đạc thể hiện mô tả ranh giới từ mốc số 1 đến mốc số 7 giáp với ông Nguyễn Văn T, đã được ông T và các hộ tiếp giáp ký xác nhận vào bản mô tả. Từ kết quả trên Uỷ ban nhân dân huyện P khẳng định việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Nguyễn Đăng D và bà Nguyễn Thị C là đúng trình tự quy định của pháp luật.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 36/2020/DS-ST ngày 24 tháng 12 năm 2020 của Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang đã quyết định:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Đăng D, bà Nguyễn Thị C về việc "Tranh chấp quyền sử dụng đất" đối với bị đơn ông Nguyễn Văn T.

1.1. Buộc bị đơn ông Nguyễn Văn T phải có nghĩa vụ trả cho nguyên đơn ông Nguyễn Đăng D và bà Nguyễn Thị C giá trị của diện tích đất 5,5m^2 nằm trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BH 902484 ngày 28/3/2017 thửa 65 tờ bản đồ số 45 tọa lạc tại khu phố 5, thị trấn Dương Đông, huyện Phú Quốc, tỉnh Kiên Giang với số tiền là 124.470.500 đồng.

1.2. Không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn ông Nguyễn Đăng D, bà Nguyễn Thị C yêu cầu bị đơn ông Nguyễn Văn T tháo dỡ toàn bộ vật kiến trúc đã xây dựng trên đất tranh chấp và trả lại cho ông D và bà C diện tích đất 6,2m^2 (Trong đó có 5,5m^2 nằm trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BH 902484 ngày 28/3/2017 thửa 65 tờ bản đồ số 45 tọa lạc tại khu phố 5, thị trấn Dương Đông, huyện Phú Quốc, tỉnh Kiên Giang).

2. Chấp nhận một phần yêu cầu phản tố của bị đơn ông Nguyễn Văn T về việc "Tranh chấp quyền sử dụng đất" đối với nguyên đơn ông Nguyễn Đăng D, bà Nguyễn Thị C.

2.1. Công nhận cho bị đơn ông Nguyễn Văn T diện tích đất 6,2m^2 (Trong đó có 5,5m^2 nằm trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BH 902484 ngày 28/3/2017 thửa 65 tờ bản đồ số 45 tọa lạc tại khu phố 5, thị trấn Dương Đông, huyện Phú Quốc, tỉnh Kiên Giang) tọa lạc tại khu phố 5, thị trấn Dương Đông, huyện Phú Quốc, tỉnh Kiên Giang.

Theo biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 20/12/2018 của Toà án nhân dân huyện Phú Quốc, tỉnh Kiên Giang và tờ trích đo số 207 ngày 16/4/2018 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện Phú Quốc.

Diện tích đất có số đo cụ thể:

+ Cạnh 1-6 giáp thửa đất ông D đang sử dụng = 24,51m;

+ Cạnh 6-5 giáp thửa đất ông D đang sử dụng = 19,79m;

+ Cạnh 5-1 giáp thửa đất ông T đang sử dụng = 44,29m;

2.2. Không chấp nhận yêu cầu của bị đơn ông Nguyễn Văn T yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BH 902484 do Uỷ ban nhân dân huyện Phú Quốc cấp ngày 28/03/2012 đúng tên ông Nguyễn Đăng D, bà Nguyễn Thị C.

Kiến nghị cơ quan có thẩm quyền điều chỉnh Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất cho các đương sự phù hợp với diện tích thực tế theo nội dung quyết định của bản án khi đương sự có yêu cầu theo quy định của pháp luật về đất đai.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên án phí dân sự, chi phí tố tụng khác và quyền kháng cáo theo luật định.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 28/12/2020 và 06/01/2021, nguyên đơn là ông Nguyễn Đăng D, bà Nguyễn Thị C và bị đơn là ông Nguyễn Văn T đều có đơn kháng cáo bản án sơ thẩm.

Tại phiên toà phúc thẩm:

Nguyên đơn là ông Nguyễn Đăng D, bà Nguyễn Thị C thống nhất vẫn giữ kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm, sửa một phần bản án sơ thẩm, không đồng ý nhận giá trị quyền sử dụng đất mà buộc bị đơn là ông Nguyễn Văn T phải tháo dỡ toàn bộ vật kiến trúc, trả lại diện tích đất 6,2m^2 tọa lạc tại khu phố 5, thị trấn Dương Đông, huyện (nay là thành phố) Phú Quốc, tỉnh Kiên Giang vì phần diện tích trên nằm trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất do Uỷ ban nhân dân huyện Phú Quốc cấp cho vợ chồng ông D, bà C.

Bị đơn là ông Nguyễn Văn T tự nguyện xin rút toàn bộ yêu cầu kháng cáo, đồng thời không đồng ý kháng cáo của nguyên đơn, yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo và giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm giải quyết vụ án:

Về tố tụng: Thẩm phán và Hội đồng xét xử phúc thẩm đã thực hiện đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Các đương sự đã thực hiện quyền, nghĩa vụ theo đúng quy định của pháp luật.

Về nội dung: Tại phiên tòa phúc thẩm, bị đơn là ông Nguyễn Văn T đã rút toàn bộ yêu cầu kháng cáo. Xét thấy, việc rút yêu cầu kháng cáo nêu trên là tự nguyện nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận và đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với kháng cáo của ông T.

Đối với kháng cáo của nguyên đơn, bản án của Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử là có căn cứ và đúng quy định của pháp luật. Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn kháng cáo nhưng không cung cấp được chứng cứ nào mới chứng

minh nên đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo và giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến phát biểu của Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Tòa án đã triệu tập hợp lệ lần thứ hai, bị đơn là bà Trần Thị H, vắng mặt; Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là Uỷ ban nhân dân huyện (nay là thành phố) Phú Quốc, tỉnh Kiên Giang, xin vắng mặt. Căn cứ Điều 296 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử phúc thẩm vụ án vắng mặt các đương sự này.

[2] Tại phiên tòa phúc thẩm, bị đơn là ông Nguyễn Văn T xin rút toàn bộ yêu cầu kháng cáo. Xét, việc rút kháng cáo của đương sự là tự nguyện, đúng quy định pháp luật nên Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận và đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với yêu cầu kháng cáo của ông T.

[3] Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn và bị đơn thống nhất xác định diện tích phần đất hai bên đang tranh chấp theo Sơ đồ trích đo hiện trạng thửa đất tranh chấp số 207 ngày 16/4/2018 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện Phú Quốc và Chứng thư định giá số Vc 18/5/48/CT-TVAP ngày 02/5/2018 của Công ty Trách nhiệm hữu hạn Định giá Thịnh Vượng.

[4] Theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BH 902484 do Uỷ ban nhân dân huyện Phú Quốc cấp ngày 28/3/2012 cho ông D, bà C thể hiện, phần đất tại thửa số 65, tờ bản đồ số 45 có diện tích 306,1m^2. Theo bản mô tả ranh giới, mốc giới thửa đất lập ngày 17/8/2006 thì phần đất của ông D nằm giáp ranh với thửa 64 có diện tích 261,4m^2 do ông T đang quản lý sử dụng (BL 74, 104). Văn bản số 183/UBND-NCPC ngày 09/4/2014 của Uỷ ban nhân dân huyện Phú Quốc xác định việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông D là đúng quy định pháp luật, phù hợp với bản mô tả ranh giới mốc giới thửa đất ngày 17/8/2006 và biên bản xác minh nguồn gốc ngày 28/7/2003 (BL 106) ông T ký tên xác nhận là hộ giáp ranh. Theo Biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 19/3/2018 của Tòa án nhân dân huyện Phú Quốc và sơ đồ trích đo hiện trạng thửa đất thì phần đất ông D đang sử dụng có diện tích 300,6m^2, phần đất ông T đang sử dụng có diện tích 267,3m^2.

Như vậy, so sánh diện tích đất mà ông D, ông T được Nhà nước công nhận quyền sử dụng hợp pháp với diện tích đất mà các đương sự đang quản lý, sử dụng thì phần diện tích ông D đang sử dụng bị giảm 5,5m^2, phần đất ông T đang sử dụng tăng thêm 5,9m^2. Do đó, bản án của Tòa án cấp sơ thẩm xác định bị đơn là ông T lấn chiếm đất của ông D là có cơ sở.

[5] Xét kháng cáo của nguyên đơn buộc bị đơn phải tháo dỡ toàn bộ vật kiến trúc đã xây dựng và trả lại phần đất tranh chấp, Hội đồng xét xử xét thấy:

tại Biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 19/3/2018 thể hiện, hiện trạng phần đất tranh chấp là tường rào được xây dựng năm 2012. Nếu tháo dỡ phần tường rào sẽ ảnh hưởng đến kết cấu căn nhà của ông T. Vì vậy, để ổn định đời sống của đương sự, bản án của Tòa án cấp sơ thẩm buộc bị đơn phải trả cho nguyên đơn giá trị phần đất tranh chấp theo chứng thư thẩm định giá số Vc 18/5/48/CT-TVAP ngày 02/5/2018 là 124.470.500 đồng là phù hợp với quy định pháp luật và đã đảm bảo quyền lợi ích hợp pháp cho các bên đương sự.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn kháng cáo nhưng không cung cấp được chứng cứ nào mới chứng minh nên Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo và giữ nguyên bản án sơ thẩm như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa là phù hợp.

[6] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị phát sinh hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[7] Án phí dân sự phúc thẩm: Nguyên đơn là ông Nguyễn Đăng D và bà Nguyễn Thị C là người cao tuổi nên được miễn; Bị đơn là ông Nguyễn Văn T phải chịu, theo quy định của pháp luật về án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 289, khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với yêu cầu kháng cáo của ông Nguyễn Văn T.

2. Không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn là ông Nguyễn Đăng D, bà Nguyễn Thị C. Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 36/2020/DSST ngày 24/12/2020 của Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang.

3. Án phí dân sự phúc thẩm:

- Ông Nguyễn Đăng D và bà Nguyễn Thị C, được miễn. Hoàn trả cho ông Nguyễn Đăng D và bà Nguyễn Thị C mỗi đương sự 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng tiền tạm ứng án phí phúc thẩm mỗi người đã nộp theo các biên lai thu số 0000867 và 0000868 cùng ngày 07/01/2021 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Kiên Giang.

- Ông Nguyễn Văn T phải chịu 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng nhưng được cấn trừ vào số tiền 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng tạm ứng án phí phúc

thẩm đã nộp theo biên lai thu số 0000866 ngày 06/01/2021 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Kiên Giang.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự được sửa đổi bổ sung; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự được sửa đổi bổ sung.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:
– Tòa án nhân dân tối cao (1);
– VKSNDCC tại Thành phố Hồ Chí Minh (1);
– TAND tỉnh Kiên Giang (1);
– VKSND tỉnh Kiên Giang (1);
– Cục THADS tỉnh Kiên Giang (1);
– Các đương sự (5);
– Lưu: hồ sơ vụ án (1),VP(5), 16b (PPC);

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Phan Nhựt Bình